Biểu mẫu 10

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: Sở Giáo dục và đào tạo Đăk Nông.

Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Hùng Vương

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**388**	**155**	**141**	**92**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	338 87.11%	137 88.39%	111 78.725	90 97.83%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 9.79%	13 8.39%	23 16.31%	2 2.17%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 3.09%	5 3.23%	7 4.96%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	388	155	141	92
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46 11.86%	9 5.81%	17 12.06%	20 21.74%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	144 37.11%	44 28.39%	47 33.33%	53 57.61%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	184 47.42%	95 61.295	70 49.65%	19 20.65%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	14 3.61%	7 4.52%	7 4.96%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	374 96.39%	148 95.48	134 95.04%	92 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	46 11.86%	9 5.81%	17 12.06%	20 21.74%
b	Học sinh tiên tiến	143	44	46	53

	(tỷ lệ so với tổng số)	36.86%	28.39%	32,62%	57.61%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 3.61%	7 4.52%	7 4.96%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	13			
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/3			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0			
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0			
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Học sinh giỏi Olympic cấp tỉnh				
4	Học sinh giỏi Olympic khu vực				
5	Hội thao QP-AN cấp tỉnh	6	2	2	2
6	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	92			92
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	88			88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**206/182**	83/72	71/70	52/40
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**67**	25	29	13

Quảng Phú, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

Trịnh Đức Tiến